

Số: /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo tình hình thực hiện và kết quả (PCGD, XMC) năm 2025 như sau:

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khoá XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Lào Cai (mới) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Tỉnh Lào Cai sau sáp nhập là tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Tây Bắc Bộ, giáp ranh giữa vùng Tây Bắc và vùng Đông Bắc. Phía Đông giáp với tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Phú Thọ; Phía Tây giáp với tỉnh Lai Châu; Phía Nam giáp với tỉnh Sơn La; Phía Bắc giáp với tỉnh Vân Nam nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với đường biên giới chung dài 182,086 km, có diện tích tự nhiên đạt 13.256,92 km², xếp thứ 8 trong số 34 tỉnh thành mới của Việt Nam, có quy mô dân số đạt 1.778.785 người (trong đó dân tộc thiểu số chiếm 61,1%), xếp thứ 26 trong số 34 tỉnh thành mới (theo dữ liệu từ Nghị quyết 202/2025/QH15), có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 89 xã và 10 phường.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Công tác PCGD, XMC luôn được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị;

sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội của tỉnh, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh đã có những bước phát triển mới và những thành tựu nổi bật. Quy mô mạng lưới trường, lớp các cấp học trên địa bàn được sắp xếp hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Hệ thống trường học các cấp đã cơ bản được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp khang trang, sạch đẹp, trang thiết bị dạy học được bổ sung, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm, tăng cường về cả số lượng và chất lượng. Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và học sinh được thực hiện đầy đủ kịp thời.

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành Giáo dục và Đào tạo có nhiều đổi mới theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả; kỷ cương, nề nếp trong các đơn vị, nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành giáo dục nhiệt tình, tâm huyết, chủ động, sáng tạo trong đổi mới quản lý, dạy và học.

2. Khó khăn

- Lào Cai là tỉnh miền núi, diện tích rộng, địa hình bị chia cắt, giao thông khó khăn, tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao, dân cư sống phân tán, đây là trở ngại lớn cho việc thực hiện công tác PCGD, XMC.

- Sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, nhiều xã, phường không có cán bộ chuyên trách được đào tạo về chuyên ngành sư phạm; do vậy khó khăn trong việc tham mưu chỉ đạo, quản lý, kiểm tra đánh giá đối với lĩnh vực giáo dục.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo tuyển dụng bổ sung giáo viên, nhân viên cho các trường học, tuy nhiên đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu ở các cấp học, nhất là giáo viên các môn: Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), do thiếu nguồn tuyển. Đối với các môn học tích hợp cấp THCS chưa có giáo viên đáp ứng yêu cầu, vẫn phải bố trí giáo viên các môn hiện tại để giảng dạy theo phân môn.

- Công tác triển khai mua sắm thiết bị thực hiện Chương trình GDPT 2018 gặp nhiều khó khăn (khó khăn chung toàn quốc), do Bộ GDĐT chưa ban hành bộ mẫu thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học.

- Năm 2025 hệ thống thông tin PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT không mở, Sở GD&ĐT đã có văn bản đề nghị các xã, phường sử dụng phần mềm để cập nhật và tổng hợp số liệu; tuy nhiên, do năm đầu thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, địa bàn rộng, phức tạp, nên nhiều đơn vị còn khó khăn trong quản lý, điều hành việc cập nhật, tổng hợp số liệu; do vậy tiến độ gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC từ cấp xã lên tỉnh còn chậm.

- Việc tổ chức các lớp XMC đối với các xã, phường có tỉ lệ người mù chữ cao gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là công tác huy động và duy trì tỉ lệ chuyên cần, do vậy ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- Đời sống của một bộ phận người dân vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn tuy đã được cải thiện nhưng còn nhiều khó khăn, trình độ văn hóa thấp, phong tục tập quán lạc hậu, chưa quan tâm tới việc học tập của con em, còn phó mặc cho các trường.

Phần thứ hai

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. CÔNG TÁC LÃNH, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP

1. Triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương

Năm 2025, tỉnh Lào Cai tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các văn bản về PCGD, XMC¹.

2. Công tác chỉ đạo thực hiện của tỉnh Lào Cai

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của hai tỉnh trước sáp nhập đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chế độ chính sách đối với giáo dục, các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch liên quan tới giáo dục và đào tạo, trong đó có công tác PCGD, XMC.

- Sau khi sáp nhập, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số văn bản quan trọng; cụ thể:

+ Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 25/10/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

+ Kế hoạch số 39-KH/TU ngày 22/01/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, XMC cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026-2030.

+ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai 5 năm 2026-2030.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO CÁC CẤP

1. Việc thành lập Ban Chỉ đạo ở các cấp

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo PCGD, XMC và xây dựng xã hội học tập

¹ Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định về PCGD, XMC; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.

tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2025-2030, gồm 01 trưởng ban, 03 phó trưởng ban, 20 ủy viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hội; đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo. Sở GD&ĐT với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, đã ban hành Quyết định số 204/QĐ-SGDĐT ngày 09/9/2025 về việc thành lập Tổ thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo PCGD, XMC và xây dựng xã hội học tập tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2025-2030.

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT của 99/99 đơn vị cấp cấp xã được thành lập, đồng thời tích cực triển khai các chủ trương và kế hoạch PCGD, XMC của tỉnh; tham mưu đưa nhiệm vụ PCGD, XMC vào các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC với mục tiêu và giải pháp cụ thể.

2. Hoạt động của các ngành thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

Đã tích cực tham mưu UBND tỉnh về đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ, tăng cường điều động, biệt phái giáo viên giữa các trường trong địa bàn, từ vùng thấp lên vùng cao; tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác PCGD, giáo dục bắt buộc, XMC, phân luồng; phối hợp với Sở GD&ĐT trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh kịp thời ban hành các văn bản quan trọng để xác định rõ mục tiêu, các giải pháp kịp thời để thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu về PCGD, XMC.

Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT tỉnh Lào Cai đã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC; đặc biệt là giao chỉ tiêu, nhiệm vụ PCGD, XMC vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh.

- Bên cạnh đó, Sở GD&ĐT tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ năm học đối với từng cấp học, trong đó có nhiệm vụ về PCGD, XMC và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công tác PCGD, XMC: công tác điều tra, quản lý, sắp xếp, cập nhật, hoàn thiện các loại hồ sơ, sổ sách, cập nhật dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận nhằm đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ công tác PCGD, XMC.

3. Hoạt động của Ban Chỉ đạo các xã, phường

- Đã ban hành kế hoạch duy trì đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025; đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ PCGD, XMC vào nghị quyết, kế hoạch của xã, đã giao trách nhiệm cho từng cơ quan, ban ngành, đoàn thể để tổ chức có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ quan trọng đã đề ra.

- Đã phân công cán bộ xã, cán bộ quản lý, giáo viên các trường từ mầm non đến THCS làm đầu mối để tham mưu triển khai công tác PCGD, XMC. Về cơ bản, nhiều đơn vị cấp xã đã nắm vững quy trình về công tác điều tra, cập nhật thông tin PCGD, XMC cũng như việc quản lý, sắp xếp, cập nhật các loại hồ sơ, sổ sách phục vụ cho công tác đánh giá và xây dựng kế hoạch duy trì hàng năm; thành lập tổ kiểm tra, rà soát việc cập nhật hồ sơ, sổ sách, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các biểu thống kê với các hồ sơ, sổ sách liên quan của từng đơn vị cấp xã, đối chiếu số liệu về học sinh giữa các biểu thống kê phổ cập với phần mềm PCGD, XMC và cơ sở dữ liệu ngành

giáo dục; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025 và gửi về Sở GD&ĐT.

III. CÔNG TÁC THAM MUỜ, CHỈ ĐẠO CỦA NGÀNH GD&ĐT

1. Phát triển quy mô mạng lưới trường, lớp và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Về quy mô, mạng lưới trường lớp

Sau sáp nhập tỉnh, mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa hình và phân bố dân cư. Năm học 2025-2026 toàn tỉnh có 1.046 cơ sở giáo dục, ngoài ra do đặc thù về địa lý và dân cư, toàn tỉnh có tới 1.362 điểm trường lẻ (gồm 889 điểm trường mầm non và 473 điểm trường tiểu học); trong đó có 370 trường mầm non (343 trường công lập, 27 trường ngoài công lập), 219 trường tiểu học, 183 trường TH&THCS, 181 trường THCS, 68 trường THPT (66 trường công lập, 02 trường ngoài công lập); 18 Trung tâm GDNN, GDTX, 03 trường trung cấp (01 trường ngoài công lập, 02 trường công lập); 03 trường cao đẳng (02 trường công lập, 01 trường ngoài công lập), 01 phân hiệu đại học.

- Năm học 2025-2026, toàn tỉnh có 15.389 nhóm, lớp với 470.910 trẻ/học sinh/học viên, trong đó: Giáo dục mầm non: 4.206 nhóm, lớp với 104.611 trẻ em; Giáo dục tiểu học: 5.950 lớp với 165.803 học sinh; Giáo dục THCS: 3.616 lớp với 134.262 học sinh; Giáo dục THPT: 1.260 lớp với 53.630 học sinh; Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: 278 lớp với 12.437 học viên.

- Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú được duy trì, củng cố và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng PCGD, XMC. Hiện nay, tỉnh Lào Cai có 17 trường Phổ thông dân tộc nội trú, với 199 lớp, 6.582 học sinh; có 182 trường phổ thông dân tộc bán trú với 47.507 học sinh bán trú, 95 trường phổ thông có học sinh bán trú với 15.151 học sinh hưởng chính sách hỗ trợ.

b) Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tỉnh Lào Cai tiếp tục quan tâm thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Tính đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 670 trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm 65,8% số trường, trong đó, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 135 trường, chiếm 13,3% tổng số trường.

2. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục

Năm học 2024-2025 (trước khi sáp nhập tỉnh), Ngành GD&ĐT của hai tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, có nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục cho trẻ/học sinh; đã tổ chức nhiều chuyên đề chuyên môn cấp trường, cụm trường, cấp huyện, tỉnh tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học; chỉ đạo tăng cường tiếng Việt cho học sinh trước khi vào lớp 1. Tăng cường chăm sóc, giáo dục toàn diện: Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và giá trị sống cho học sinh; phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi để củng cố kiến thức và phát huy năng lực;

đảm bảo an toàn, dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm (đặc biệt ở cấp mầm non); tổ chức các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ. Nhờ có các giải pháp sáng tạo, phù hợp đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ/học sinh. Kết quả cụ thể đối với từng cấp học như sau:

2.1. Giáo dục mầm non

100% trẻ em được học 2 buổi/ngày và được khám sức khỏe định kỳ, được cân đo, chắm biểu đồ theo dõi sự phát triển của trẻ theo quy định.

+ Nhà trẻ: tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 4,8%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi 9,1%, giảm so với đầu năm học 0,6-2,3%.

+ Mẫu giáo: tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 4,5%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 7,6%, giảm từ 0,5-1,5% so với đầu năm học; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì chiếm 0,7%.

+ Số lượng trẻ được tổ chức ăn tại các cơ sở giáo dục mầm non: 104.611, đạt 100%. Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 30.665, đạt tỷ lệ 100%.

+ 100% các cơ sở GDMN triển khai xây dựng mô hình “Trường học hạnh phúc”; 100% các nhóm, lớp, trường mầm non đã thực hiện cam kết chất lượng trong năm học; chỉ tiêu cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tính tại thời điểm báo cáo ở các lĩnh vực phát triển đạt từ 90% trở lên.

2.2. Giáo dục tiểu học

Tổng số học sinh được đánh giá: 165.528, trong đó:

- Môn Toán: có 156.288 học sinh, chiếm 94,37% xếp loại Hoàn thành trở lên; trong đó, hoàn thành tốt: 92.116 học sinh, chiếm 55,65%;

- Môn Tiếng Việt: có 154.570 học sinh, chiếm 93,38% xếp loại Hoàn thành trở lên; trong đó, hoàn thành tốt 88.838 học sinh, chiếm 53,67%;

- Năng lực, phẩm chất: có 162.217 học sinh, chiếm 98% được xếp loại Đạt từng năng lực phẩm chất trở lên; trong đó, xếp loại Tốt: 86.074 học sinh, chiếm 52%.

c) Giáo dục trung học cơ sở

Kết quả rèn luyện: Tốt 82%; Khá 15%; Đạt 3%; Chưa đạt 0%; kết quả học tập: Tốt 10%; Khá: 36%; Đạt: 51%; Chưa đạt 2%; có 886 học sinh được xếp giải thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, đạt tỷ lệ 58,7%.

3. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Ngành giáo dục và đào tạo tích cực phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tuyển dụng đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu cho các cơ sở giáo dục; song so với định mức toàn tỉnh còn thiếu nhiều giáo viên ở các cấp học; cụ thể:

- Định mức số lượng người làm việc theo của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 37.642 người (trong đó: Mầm non: 11.232 người; Tiểu học: 11.156 người; Trung học cơ sở: 10.874 người; Trung học phổ thông: 4.380 người).

- Số lượng biên chế được giao: 32.714 người (trong đó: Mầm non: 9.452 người; Tiểu học: 10.718 người; Trung học cơ sở: 8.706 người; Trung học phổ thông: 3.838 người).

- Số lượng người làm việc có mặt: 29.739 người, thiếu 2.975 so với số giao, thiếu 7.903 so với định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó:

+ Giáo dục mầm non: hiện có 9.015 người; thiếu 437 so với số được giao, thiếu 2.217 so với định mức.

+ Giáo dục tiểu học: hiện có 9.952 người; thiếu 766 so với số được giao, thiếu 1.204 so với định mức.

+ Giáo dục trung học cơ sở: hiện có 7.379 người; thiếu 1.327 so với số được giao, thiếu 3.495 so với định mức.

+ Giáo dục trung học phổ thông (gồm THPT và Trung tâm): hiện có 3.393 người; thiếu 445 so với số được giao, thiếu 987 so với định mức.

Để bố trí đảm bảo đội ngũ giáo viên thực hiện nhiệm vụ năm học trong tình trạng thiếu giáo viên như trên, Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai đã hợp đồng 161 giáo viên (sự nghiệp GD&ĐT tỉnh Lào Cai trước hợp nhất) và biệt phái/tăng cường trên 1.000 lượt giáo viên cho các cơ sở giáo dục thiếu nhân lực (sự nghiệp GD&ĐT tỉnh Lào Cai trước hợp nhất trên 650 lượt; sự nghiệp GD&ĐT tỉnh Yên Bái trước hợp nhất trên 350 lượt). Do đó cho đến hết năm học, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cơ bản đảm bảo giáo viên đứng lớp, kể cả các môn học chuyên biệt (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật).

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch các chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Thông qua việc phát động thi đua và bình xét thi đua động viên, khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Về cơ sở vật chất

Tổng số phòng học cấp mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp THPT hiện có 14.926 phòng; tỷ lệ kiên cố đạt 87,44%; phòng tạm còn 0,77%. Cụ thể:

- Mầm non: 4.516 phòng; trong đó, phòng kiên cố: 3.456 (76,5%), phòng bán kiên cố: 1.024 (22,7%), phòng tạm: 36 (0,8%).

- Tiểu học: 5.258 phòng; trong đó, phòng kiên cố: 4.584 (78,2%), phòng bán kiên cố: 632 (12%), phòng tạm: 36 (0,8%).

- THCS: 3.633 phòng; trong đó, phòng kiên cố: 3.521 (96,9%), phòng bán kiên cố: 88 (2,4%), phòng tạm: 29 (0,79%).

- THPT: 1.240 phòng; trong đó: phòng kiên cố: 1.210 (97,6%), phòng bán kiên cố: 26 (2,1%), phòng tạm: 04 (0,32%).

- GDTX: 672 phòng; trong đó: phòng kiên cố: 649 (đạt 96,6%), phòng bán kiên cố: 12 (1,79%), phòng tạm: 11 (1,64%).

Tỷ lệ phòng học kiên cố toàn tỉnh hiện đạt 86%, trong đó số phòng còn sử dụng tốt chiếm 69,3%; phòng học bán kiên cố: 13,2%, tỷ lệ phòng học tạm còn 0,8%. Toàn tỉnh có 3.934 phòng học bộ môn, với tỷ lệ kiên cố cao (đạt 93,4%), bán kiên cố là 5,4% và phòng tạm là 1,2%. Tỉnh cũng trang bị 4.447 phòng ở cho học sinh và 2.473 phòng ở công vụ cho giáo viên.

b) Trang thiết bị dạy học

Về cơ bản, các trường mầm non có đủ thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi ở các điểm trường chính; các trường tiểu học, THCS mới được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp 1, khối lớp 2, khối lớp 6, các khối lớp khác vẫn đang tạm thời sử dụng bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (do hiện nay chưa có bộ tiêu chuẩn mẫu, nên khó khăn trong việc mua sắm); 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được kết nối mạng internet phục vụ công tác quản lý, khai thác thông tin, tài liệu để hỗ trợ công tác dạy và học. Ngành giáo dục đã tích cực chỉ đạo các trường phổ thông khai thác và sử dụng tối đa công năng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; khuyến khích giáo viên sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học. Phát huy tính chủ động, tự chủ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Nhiều cơ sở giáo dục đã chủ động kêu gọi các nguồn tài trợ để bổ sung thiết bị trình chiếu (tivi, máy tính, máy chiếu) cho các lớp học để giúp giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong các tiết học, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Ngân sách thực hiện công tác PCGD, XMC

Năm 2025 (trước khi sáp nhập), tổng kinh phí hai tỉnh đã phê duyệt chi hỗ trợ PCGD, XMC cho Sở GD&ĐT trên 4 tỉ đồng để tập trung thực hiện các hoạt động: tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCGD, XMC, kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC, kiểm tra công tác mở lớp XMC; với nguồn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 thực hiện công tác XMC với số tiền trên 12 tỉ đồng.

6. Kết quả công tác xã hội hóa giáo dục

Phong trào toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục được đẩy mạnh, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, hội, các tổ chức kinh tế xã hội và nhiều cá nhân tích cực tham gia hỗ trợ các cơ sở giáo dục, vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp. Nhiều tổ chức cá nhân tích cực tặng quà, ủng hộ kinh phí, công sức xây dựng cơ sở vật chất trường lớp. Nhiều tấm gương hiến đất xây dựng trường, vận động học sinh vùng cao đi học, các lớp nội trú dân nuôi, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực được thực hiện hiệu quả tốt. Tiêu biểu là Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh đã tổ chức quán triệt và chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện Chương trình "Nâng bước em tới trường" để giúp các em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; trong đó, xuất hiện nhiều việc làm có ý nghĩa nhân văn sâu sắc như "Hũ gạo tình thương nâng bước em đến trường", "Lớp học buổi tối", mô hình "Nhận nuôi dưỡng" học sinh tại đồn biên phòng; tình nguyện viên người nước ngoài đến dạy ngoại ngữ ở một số cơ sở giáo dục tỉnh Lào Cai...

Sở GD&ĐT tích cực tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm quỹ đất để xây dựng mới, mở rộng các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài. Ưu tiên quỹ đất để xây dựng trường, lớp học ở các khu đông dân cư, các khu công nghiệp, các cơ sở giáo dục có tổ chức nội trú, bán trú cho học sinh.

IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2025

1. Tiêu chuẩn

1.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi

- Huy động ra lớp: 30.665/30.963 trẻ em, đạt 99,9%; 100% trẻ em được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN và ăn bán trú tại trường; trẻ em đi học chuyên cần đạt từ 95% trở lên.

- Có 90% trẻ em vùng DTTS được tăng cường tiếng Việt; có 152/204 trẻ khuyết tật có khả năng học tập và được tiếp cận giáo dục, đạt 74,5%.

- Có 31.383/31.431 trẻ em hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 99,85%.

- Có 100% trẻ 5 tuổi thuộc diện chính sách được hưởng kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Số xã, phường đạt chuẩn: 99/99, đạt 100%.

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 31.390/31.396, đạt 99,98%;

- Số trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 132.667/134.026, đạt 98,99%;

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 33.008/34.066, đạt 96,89%;

- Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 3.117/3.139, đạt 99,3%;

- Số xã, phường đạt chuẩn mức độ 3: 99/99, đạt 100%.

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS: 110.885/116.234, đạt 95,4%;

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN: 88.940/116.234, đạt 76,13%;

Toàn tỉnh có 99/99 xã, phường đạt chuẩn PCGD THCS từ mức độ 2 trở lên, trong đó:

+ Mức độ 2: 51/99, đạt 51,51%;

+ Mức độ 3: 48/99, đạt 48,48%.

1.4. Xóa mù chữ

a) Tổng dân số độ tuổi 15 - 25: 290.011 người; trong đó:

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 289.636, đạt 99,87%;

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 289.534, đạt 99,84%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 375, chiếm 0,13%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 477, chiếm 0,16%.

b) Tổng dân số độ tuổi 15 - 35: 566.801 người; trong đó:

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 564.904, đạt 99,67%;

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 562.817, đạt 99,3%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 1.897, chiếm 0,33%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 3.984, chiếm 0,7%.

c) *Tổng dân số độ tuổi 15 - 60: 1.105.989 người; trong đó:*

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 1.090.132, đạt 98,57%;

- Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 1.066.407, đạt 96,42%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 15.857, chiếm 1,43%;

- Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 39.582, chiếm 3,58%;

- Số người huy động học XMC trong năm 2025: 1.583.

2. Điều kiện đảm bảo

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi

a) *Về đội ngũ:*

- 100% các cơ sở GDMN thực hiện tốt chính sách cho giáo viên, 100% giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

- 100% cơ sở GDMN đủ số lượng từ 2 giáo viên/lớp MG 5 tuổi.

- 100% cơ sở GDMN có giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; có 2943/2943 giáo viên đạt chuẩn trở lên (đạt 100%); trong đó, có 2176/2943 giáo viên đạt trên chuẩn, chiếm 73,9%.

- 100% số giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 99/99 xã, phường có phân công cán bộ, giáo viên phụ trách công tác PCGDMNTNT.

b) *Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:*

- 100% cơ sở giáo dục có đủ phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi; tỷ lệ phòng/lớp đạt 1,0; phòng học bảo đảm an toàn, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; đủ ánh sáng; phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5 m²/trẻ.

- 100% cơ sở GDMN (2943/2943 lớp mẫu giáo 5 tuổi) có đủ bộ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu theo quy định.

- 100% cơ sở GDMN đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn; có nguồn nước hợp vệ sinh và hệ thống thoát nước; có nhà bếp; công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu; sân chơi có đồ chơi ngoài trời.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

a) *Về đội ngũ:*

- Đảm bảo sắp xếp hợp lý đội ngũ giáo viên và nhân viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

- Có 8.977/8.977, đạt 100% số giáo viên tiểu học đạt chuẩn trở lên (theo Luật giáo dục 2005); trong đó 99,34% trên chuẩn; tỉ lệ giáo viên/lớp đạt 1,5%.

- Tổng số giáo viên đạt yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học: 8.964/8.964 người, đạt 100% (có 13 giáo viên không đánh giá do mới tuyển dụng).

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Có 402/402 trường (đạt 100%) đảm bảo các điều kiện về phòng học để tổ chức dạy và học. Tỷ lệ phòng học/lớp đạt 1,03.

- Có 402/402 trường (đạt 100%) đảm bảo các phòng chức năng như: thư viện, phòng thiết bị dạy học, phòng đội, phòng y tế... có sân chơi, bãi tập dành cho học sinh.

- Có 402/402 trường (đạt 100%) đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện.

- Có 402/402 trường (đạt 100%) có sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

2.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

a) Về đội ngũ:

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 8.187 người; chia ra, cán bộ quản lý: 759; giáo viên: 6.361; nhân viên: 1.067.

- Số giáo viên đạt chuẩn trở lên (theo Luật giáo dục 2005): 6.361 người, đạt 100%; trong đó, có 6.267 giáo viên trên chuẩn, chiếm 97%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định: 6.357/6.361 người, đạt 99,9%.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- 364/364 trường đảm bảo điều kiện 0,5 phòng học/lớp trở lên để tổ chức dạy và học. Tỷ lệ phòng học trung bình của toàn tỉnh là 0,99 phòng/lớp.

- 364/364 trường có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; cơ bản đảm bảo các phòng chức năng như: phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng y tế, thư viện, phòng thí nghiệm.

- 364/364 trường đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- 364/364 trường có sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

2.4. Xóa mù chữ

- Năm 2025, toàn tỉnh có 41 xã, phường mở lớp XMC, với 74 lớp (giai đoạn 1: 28 lớp, giai đoạn 2: 46 lớp, 1.583 học viên tham gia; trong đó, được công nhận hoàn thành chương trình XMC là 1.476. Các đơn vị được giao mở lớp đã bố trí đủ giáo viên tham gia giảng dạy.

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Các xã, phường có mở lớp XMC đã sử dụng nhà văn hóa, lớp học ở các thôn để tổ chức dạy học; đã bố trí đủ bàn, ghế cho giáo viên và học viên; đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, bảng; một số lớp có bố trí tivi hoặc máy chiếu để dạy học.

2.5. Người tham gia dạy học, theo dõi công tác PCGD, XMC

a) Số người tham gia dạy học lớp XMC

Mầm non: 0; Tiểu học: 142; Trung học cơ sở: 04; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 0; Trung tâm học tập cộng đồng: 0.

b) Số người theo dõi công tác PCGD, XMC

Mầm non: 297 người; Tiểu học: 297 người; Trung học cơ sở: 297 người; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 0; Trung tâm học tập cộng đồng: 0.

2.6. Kết quả đạt chuẩn PCGD, XMC

Toàn tỉnh có 99/99 xã, phường đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đạt chuẩn PCGDCTNT, đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, đạt chuẩn XMC mức độ 2 tại thời điểm tháng 9 năm 2025.

(Kết quả chi tiết có trong các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo).

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm chỉ đạo, triển khai công tác PCGD, XMC, đã đưa nhiệm vụ PCGD, XMC vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án hàng năm, cụ thể hóa bằng chỉ tiêu cụ thể, từ đó chỉ đạo có chiều sâu tới mọi tầng lớp nhân dân. Hằng năm đã xây dựng kế hoạch để duy trì, tỉ lệ đạt các tiêu chuẩn PCGD, XMC đều tăng, nâng cao kết quả PCGD, XMC theo hướng vững chắc gắn với xây dựng xã nông thôn mới.

- Các cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT đã tích cực vào cuộc, tham mưu với UBND tỉnh hằng năm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, tuyển dụng, luân chuyển, biệt phái giáo viên, nhất là giáo viên Tin học, Ngoại ngữ để đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm PCGD, XMC: qua kiểm tra, các xã, phường trên địa bàn tỉnh đều đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Cơ bản các chỉ tiêu đều đạt và tăng so với năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

- Về hồ sơ: Ban Chỉ đạo các xã, phường đã bố trí kinh phí để mua phần mềm PCGD, XMC; đã chỉ đạo sát sao đối với các cơ sở giáo dục trong công tác điều tra, cập nhật số liệu. Các đơn vị được kiểm tra cơ bản có đủ hồ sơ theo quy định (hồ sơ minh chứng và hồ sơ đề nghị công nhận), lưu trữ đảm bảo theo hệ thống.

- Về quy trình kiểm tra, công nhận: các đơn vị cấp xã đã tiến hành tự kiểm tra và đề nghị cấp tỉnh kiểm tra, công nhận đảm bảo đúng quy định; tỉnh Lào Cai đã tổ chức kiểm tra, ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC đối với cấp xã đảm bảo theo quy định.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT các xã, phường đã được thành lập sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; tuy nhiên, ở một số xã, phường, nhiều thành viên trong Ban Chỉ đạo chưa nắm được các văn bản chỉ đạo, triển khai của các cấp quản lý; chưa nắm được quy trình thực hiện, các tiêu chuẩn và điều kiện về PCGD, XMC; do vậy chưa chỉ đạo, giám sát, đôn đốc các trường hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định; cơ bản còn giao hết trách nhiệm cho các đơn vị trường.

- Một số xã, phường vùng cao chưa có giải pháp quyết liệt để nâng cao tỉ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS (xã Tú lệ đạt 35,02%, xã Nậm Chày đạt 47,43%, xã Nậm Có đạt 36,21%, xã Ngũ Chỉ Sơn đạt 45,63%, xã Sơn Lương đạt 52,53%,...), khó khăn trong công tác phấn đấu xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 những năm tiếp theo.

- Tại thời điểm kiểm tra, nhiều xã, phường, số liệu chưa khớp giữa các hồ sơ như: phiếu điều tra, sổ theo dõi phổ cập, danh sách tốt nghiệp/hoàn thành chương trình, học nghề, biểu mẫu thống kê (nhất là cấp THCS); biểu thống kê số liệu phân luồng còn chưa khớp giữa các biểu ở cấp THCS; thiếu minh chứng, chứng nhận đối với những học sinh đi học THPT, GDTX, học nghề (sau quá trình kiểm tra, Sở GD&ĐT đã có thông báo và các xã, phường đã khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế trên).

- Việc mở và duy trì các lớp XMC ở đa số các xã chưa thực sự hiệu quả, chưa có sự vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương; chưa quan tâm rà soát, khảo sát năng lực học viên trước khi mở lớp; học viên đi học chuyên cần còn thấp nên kết quả đầu ra còn nhiều hạn chế.

b) Nguyên nhân

- Năm 2025 là năm đầu thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, nhiều xã, phường sau sáp nhập có diện tích và dân số đông và phức tạp; Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT các xã, phường mới được thành lập, các thành viên cơ bản mới được tiếp cận với công tác PCGD, XMC nên chưa nắm được hệ thống văn bản chỉ đạo cũng như quy trình thực hiện công tác PCGD, XMC.

- Ở một số xã hiện nay không có cán bộ chuyên trách, được đào tạo chuyên ngành về sư phạm, do vậy chưa nắm được văn bản cũng như quy trình làm công tác PCGD, XMC; do vậy không tham mưu cho lãnh đạo xã các giải pháp để xử lý công việc, chưa biết cách kiểm tra, giám sát, đôn đốc các trường trong việc cập nhật số liệu, hoàn thiện hồ sơ, dẫn tới tiến độ công việc còn chậm, số liệu còn sai lệch.

- Đối tượng người mù chữ trong độ tuổi từ 35 đến 60 chủ yếu là nữ, lao động chính trong gia đình nên việc huy động và duy trì số lượng của các XMC còn gặp nhiều khó khăn, nhất là vào những ngày thời tiết khắc nghiệt hoặc mùa vụ thu hoạch.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2026

I. MỤC TIÊU CHUNG

Tỉnh Lào Cai tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn: PCGDMNTNT, PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD THCS mức độ 2, XMC mức độ 2. Bên cạnh đó, quan tâm triển khai Phổ cập giáo dục cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi

Tiếp tục duy trì 99/99 đơn vị cấp xã duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT và 48 đơn vị cấp xã duy trì, đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 4 tuổi.

Phần đầu 17 xã/phường đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Phổ cập giáo dục tiểu học: Tiếp tục duy trì 99/99 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3.

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Tiếp tục duy trì 99/99 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 trở lên; trong đó, có 53/99 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 3.

4. Xóa mù chữ: Tiếp tục duy trì 99/99 đơn vị cấp xã đạt chuẩn XMC mức độ 2.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt tới các cơ quan, đơn vị, địa phương các chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác PCGD, XMC, giáo dục bắt buộc, công tác phân luồng, PCGD cấp trung học phổ thông. Chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt, đưa mục tiêu nhiệm vụ PCGD, XMC vào các nghị quyết, chương trình, kế hoạch năm và giai đoạn 2026-2030 để các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp làm căn cứ triển khai thực hiện.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT các cấp. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch PCGD, XMC của đơn vị; chỉ đạo sát sao việc huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp; tăng cường công tác phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan trong công tác PCGD, XMC.

- Ban Chỉ đạo cấp xã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch PCGD, XMC sát với tình hình thực tế của địa phương và đảm bảo đạt chuẩn PCGD theo lộ trình đã xác định; kịp thời có những giải pháp hiệu quả đối với những xã có nguy cơ giảm mức độ đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Quan tâm bố trí đội ngũ phụ trách, theo dõi công tác PCGD, XMC ở cấp xã đảm bảo ổn định, lâu dài để nâng cao hiệu quả công tác tham mưu triển khai thực hiện.

2. Tăng cường đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học

- Sở GD&ĐT tăng cường phối hợp với Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu bổ sung đội ngũ giáo viên đối với từng cấp học, trong đó quan tâm ưu tiên bổ sung đội ngũ giáo viên cho các xã vùng cao, vùng biên giới, giáo viên ngoại ngữ, tin học.

- Sở GD&ĐT phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí hằng năm để mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học; bên cạnh đó chỉ đạo các đơn vị trường học hàng năm bố trí và huy động các nguồn kinh phí khác để kịp thời mua sắm, bổ sung các thiết bị còn thiếu, đã xuống cấp, hỏng nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động dạy học. Tiếp tục triển khai tốt các đề án, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt, đẩy mạnh đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hoá trường, lớp học nhằm củng cố và phát triển mạng lưới, mô hình trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục; đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định.

- Tập trung xây dựng và triển khai các đề án quan trọng: thành lập các trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT tại các xã; thành lập các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật công lập; ...; bên cạnh đó giao thêm chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường THPT để tăng số lượng học sinh đi học THPT nhằm thực hiện PCGD THPT.

3. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục

- Sở GD&ĐT tăng cường chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các giải pháp cụ thể như: tăng cường đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học; giáo dục STEM, STEAM; tiếp tục chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; thực hiện công khai, minh bạch công tác ký cam kết, nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục đối với từng lớp và giữa các cấp học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, các trung tâm học tập cộng đồng phối hợp với các trường Cao đẳng, Trung cấp, các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tổ chức các lớp học nghề truyền thống, nghề ngắn hạn cho những người mới biết chữ; tăng cường tổ chức các lớp học chuyên đề về y tế, văn hóa, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt,... tại các trung tâm học tập cộng đồng nhằm củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tái mù chữ.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ở các điểm trường lẻ, lớp mẫu giáo ghép, trẻ em dân tộc thiểu số, ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp, đảm bảo trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi đến trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi.

- Tiếp tục chú trọng triển khai xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, trường học gắn với thực tiễn, đặc biệt là các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú.

- Quan tâm việc sắp xếp, bố trí lịch học đảm bảo phù hợp; phát huy hình thức dạy học trực tuyến, liên trường đối với các môn Tiếng Anh.

4. Công tác huy động và duy trì số lượng

- Ban Chỉ đạo cấp xã tiếp tục tăng cường phát huy vai trò của từng thành viên; phân công phụ trách cụ thể đến từng xã, phường, tổ, thôn để chỉ đạo, phối hợp thực hiện các giải pháp huy động học sinh, học viên ra lớp. Có cơ chế để hỗ trợ những học sinh, học viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn chưa đi học hoặc có nguy cơ bỏ học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục có kế hoạch phối hợp với Công an cấp xã để nắm tình hình những học sinh bỏ học, những học sinh đi làm ở các doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi chưa đủ tuổi lao động.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường phối hợp với Đảng ủy, chính quyền địa phương để duy trì tỷ lệ chuyên cần, giảm tỷ lệ học sinh, học viên bỏ học, đặc biệt là cấp THCS và học viên học chương trình XMC.

- Huy động các lực lượng (học sinh, cán bộ hưu trí; hội viên, đoàn viên các hội, đoàn thể) tích cực tham gia cùng với chính quyền địa phương và các nhà trường hỗ trợ, tổ chức huy động và giảng dạy các lớp XMC tại địa phương.

5. Hoàn thiện hồ sơ và kiểm tra, công nhận kết quả PCGD, XMC

- Ban Chỉ đạo cấp xã quan tâm triển khai tốt công tác quản lý, cập nhật, sắp xếp các loại hồ sơ, sổ sách; tổ chức điều tra, cập nhật thông tin lên phần mềm PCGD, XMC để đảm bảo về tiến độ thời gian, số liệu chính xác, phục vụ cho công tác đánh giá, công nhận và xây dựng kế hoạch duy trì hằng năm.

- Sở GD&ĐT tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác PCGD, XMC cho những cán bộ, giáo viên phân công làm công tác PCGD, XMC ở cấp xã; tham mưu UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả PCGD, XMC đối với cấp xã theo quy định.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Cùng với nguồn ngân sách của nhà nước, địa phương, nhà trường cần chủ động huy động thêm các nguồn lực từ các tổ chức, cộng đồng để đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình, cảnh quan sân trường, tăng số lượng trang thiết bị dạy học.

- Các trường vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới tiếp tục kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm ủng hộ trang thiết bị học tập và đồ dùng sinh hoạt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo, học sinh ở nội trú, bán trú...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác PCGD, XMC cho cán bộ phụ trách công tác PCGD, XMC của các địa phương.

2. Sớm triển khai phần mềm PCGD, XMC chung trong toàn ngành để phù hợp với thực tiễn chính quyền địa phương hai cấp, giúp các địa phương trong việc cập nhật, tổng hợp dữ liệu được thuận lợi và chính xác.

3. Tích hợp PCGD mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 vào cùng Nghị định quy định PCGD mầm non

cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và XMC thành: “Nghị định quy định PCGD mầm non cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và XMC” để thuận tiện và thống nhất trong việc triển khai các Nghị định và nội dung, quy trình kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và XMC.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Thường trực; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC&XDXHHT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Các chuyên viên tham mưu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(Hường).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Hiền Hạnh